SẢN XUẤT ĐÚC BILLET 324

1. Yêu cầu trong sản xuất:	Vật liệu	Đường kính	Mã sản xuất	Ngày sản xuất	Phế liệu đùn	Phế liệu đúc	Nhôm AL99.7%	TP khác
	6061	9	324	2024-03-15	6300	1000	2000	0

2. Chuẩn bị vật liệu thực tế (kg):	Vật liệu	Phế liệu đùn ①	Discard đùn ②	SP lỗi, H/E billet ③	Phế liệu đúc ④	SP gia công NG ⑤	Nhôm Al 99.7% ⑥	Aluminum Alloy ⑦	Vật liệu khác ⑧
	Kg	1737		3918	1538		1916		

3. Điều chỉnh thành phần hợp kim:	Tiêu chuẩn (%)	Al-Cu (%Cu)	Al-Si (%Si)	Mg (%Mg)	Al-Zn (%Zn)	Al-Fe (%Fe)	Al-Mn (%Mn)	Al-Cr (%Cr)	Al-Ti-B (%B)	Flux (1.5-3kg/tấn)
		0.24-0.40	0.62-0.80	0.95-1.20	<0.02	0.1-0.2	<0.15	0.15-0.35	0.01-0.05	
	Đo lần 1 (%)	0.19	0.51	0.64	0.005	0.16	0.05	0.09	0.02	12
	KLHK 1 (kg)	22.2	57.4	34			27.6	120		
	Đo lần 2 (%):	0.27	0.69	0.98	0.005	0.18	0.08	0.15	0.02	
	KLHK 2 (kg)									
	Đo lần 3 (%)									

4. Nung nhôm:	TG nung bắt đầu	TG nung kết thúc	Số gas bắt đầu	Số gas kết thúc	TG tinh luyện lần 1	TG tinh luyện lần 2	TG nghỉ	Nhiệt độ nung
	6:00	12:20	333616	334393	10		90'	1050

5. Đúc:	TG bắt đầu	TG kết thúc	T° nhôm (cửa lò): 780±10°C	T° nhôm (máy đúc): 700±10°C	T° nước làm mát: ≤50°C	Tốc độ đúc: 80-100mm/min	Áp lực khí	Áp lực dầu
	12:50	14:10	773	705	28	92	7200	46

6. Hàm lượng Hidro:	Yêu cầu: Dưới 0.15ml/100gAL	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4

BẢNG CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG VẬT LIỆU

Stt	Chủng loại VL	Số hiệu	Khối lượng	Ghi chú
1	1	NG 2346	1013	
2		2352	367	
3		N97-NG-7	10	
4		V44-NG-9	180	1737
5		N97-NG-2	88	
6		V44-NG-12	79	
7				
8	3		3918	
9				
10	4		1538	
11				
12	6		957	1916
13			959	
14				
15				
16				
17				
18				

Tổng khối lượng vật liệu: 9.109

Ghi chú:

Phế phẩm		
Xỉ	Nhôm dư	Cắt
403	299	
	806	
	351	

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VÀ CẮT

Hạng mục kiểm tra	Dụng cụ đo đạc	Vị trí	A2	A3	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3	C4	D2	D3	Ghi chú
Vết nứt	Máy dò lỗi	Đầu	400	400	400	400	400	400	400	400	400	400	400	400	
		Đuôi	200	200	200	200	200	200	200	200	200	200	200	200	
Bề mặt	Bằng mắt	-													
Cong	Bằng mắt	-													
Độ dài	Thước	-	6680	6680	6680	6680	6680	6680	6680	6680	6680	6680	6680	6680	
Tính toán trước cắt	-	1200	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
		600													
Thứ tự cắt	-	-	4	2	9	12	5	10	8	11	6	1	3	7	
Số lượng sản phẩm	Thanh	1200	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
		600													
Ngâm kiềm	NaOH	Đầu												50	
		Cuối													

SỐ LƯỢNG NHẬP KHO

Lot	Bundle	Billet	SL	Lot	Bundle	Billet	SL	Lot	Bundle	Billet	SL	Lot	Bundle	Billet	SL
324	01	C4	5	324	06	C1	5	324				324			
324	02	A3	5	324	07	B1	5	324				324			
324	02	D2	2	324	07	B4	2	324				324			
324	03	D2	3	324	08	B4	3	324				324			
324	03	A2	4	324	08	C2	4	324				324			
324	04	A2	1	324	09	C2	1	324				324			
324	04	B3	5	324	09	B2	5	324				324			
324	04	C3	1	324				324				324			
324	05	C3	4	324				324				324			
324	05	D3	3	324				324				324			
324	06	D3	2	324				324				324			